

HÌNH THỨC PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI - TRƯỜNG HỢP CÔNG TY LỢI ÍCH CỦA HOA KỲ VÀ KINH NGHIỆM SỬA ĐỔI LUẬT DOANH NGHIỆP CHO VIỆT NAM

TÔ THỊ ĐÔNG HÀ

Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế- Luật, Trường ĐH Tài chính - Marketing
Division of Law, Economic - Law Department, University of Finance and Marketing
Email: toha774@gmail.com

Tóm tắt

Cuộc cách mạng doanh nghiệp xã hội trong Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn và Luật Công ty cổ phần của các bang ở Hoa Kỳ đã tạo nên một làn sóng các hình thức pháp lý mới cho doanh nghiệp xã hội, trong đó phổ biến nhất là công ty lợi ích. Bài viết phân tích những đặc điểm pháp lý của mô hình kinh doanh này, so với công ty truyền thống; từ đó, đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về doanh nghiệp xã hội trong Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Từ khóa: công ty lợi ích, doanh nghiệp xã hội, hình thức pháp lý, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Mậu về công ty lợi ích, Việt Nam

Abstract

The social enterprise revolution in Limited Liability Company Law and Corporation Law in the United States has created new wave of legal forms for social enterprises, the most common of which is the Benefit Corporation. The article analyzes the legal characteristics of this business model, compared to the traditional corporation; then, recommendations have been made to improve the regulations on social enterprises in the 2014 Vietnamese Enterprise Law.

Keywords: benefit corporation, social enterprise, legal form, the 2014 Enterprise Law, Model Benefit Corporation Legislation, Vietnam

Ngày nhận bài: 15/12/2019

Ngày duyệt đăng: 20/02/2020

Trước khi đạo luật doanh nghiệp xã hội (DNXH) đầu tiên được thông qua tại Hoa Kỳ vào năm 2008, DNXH được thành lập dưới các hình thức pháp lý truyền thống, như các loại hình doanh nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận. Tuy nhiên, việc sử dụng các hình thức này cho DNXH, đặc biệt là công ty có phần (CTCP) đã bộc lộ sự không thuận lợi ở một số khía cạnh quan trọng. Đầu tiên và quan trọng nhất, pháp luật CTCP áp đặt trách nhiệm ủy thác (*fiduciary duties*) đối với giám đốc, bao gồm nghĩa vụ hành động vì lợi ích cao nhất của cổ đông. Đồng thời, giám đốc CTCP chỉ có nghĩa vụ ủy thác đối với công ty và các cổ đông của công ty. Vì vậy, các bên liên quan khác không có quyền khởi kiện nếu giám đốc vi phạm các nghĩa vụ đó, ngay cả khi họ bị ảnh hưởng bởi quyết định này. Các đạo luật cử tri (*constituency statutes*) được ban hành ở hầu hết

các bang, như là một giải pháp thay thế, nhằm bảo vệ quyền của các giám đốc trong việc xem xét các lợi ích khác, chẳng hạn như lợi ích của khách hàng, nhân viên và chủ nợ, nhưng lại không mở rộng đến toàn bộ những lợi ích mà các giám đốc của một doanh nghiệp vì lợi nhuận có mục đích xã hội (*business for profit-with-purpose*) có thể muốn xem xét. Nói cách khác, các loại hình kinh doanh truyền thống trong pháp luật Hoa Kỳ đã không đáp ứng nhu cầu của các doanh nhân muốn theo đuổi mục tiêu chủ yếu là làm lợi cho xã hội. Bởi cánh đó làm xuất hiện các hình thức pháp lý mới dành riêng cho DNXH, trong đó có *Benefit Corporations*¹ (BCs - tạm dịch là “công ty lợi ích”).

1. Khái quát về công ty lợi ích và pháp luật điều chỉnh

Năm 2008, đạo luật đầu tiên về DNXH của Hoa Kỳ được ban hành ở bang Vermont, là kết quả từ việc sửa đổi Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) của bang, cho ra đời công ty TNHH mới dành riêng cho DNXH là *Low Profits Limited Liability Companies* (L3Cs - tạm dịch là công ty TNHH lợi nhuận thấp). Hơn một thập kỷ qua, pháp luật DNXH tiếp tục phát triển trên khắp Hoa Kỳ với các hình thức pháp lý mới như: *benefit corporations*, *social purpose corporations* (SPCs - tạm dịch là “công ty mục đích xã hội”), *flexity purpose corporations* (FPCs - tạm dịch là “công ty mục đích linh hoạt”), và *benefit limited liability companies* (BLLCs - tạm dịch là “công ty TNHH lợi ích”). Tính đến 31/12/2018, 38 khu vực pháp lý cấp bang đã ban hành ít nhất một đạo luật DNXH. Theo đó, Công ty lợi ích là hình thức pháp lý phổ biến nhất, được công nhận bởi 35 bang và quận Columbia. Công ty TNHH lợi nhuận thấp được công nhận tại 9 bang, 3 khu vực pháp lý và một vùng lãnh thổ. Công ty TNHH lợi ích hiện được thừa nhận ở 5 bang và Công ty mục đích xã hội có ở 4 bang.²

Khác với các hình thức pháp lý khác của DNXH, Công ty lợi ích có một Luật Mẫu (the “Model Benefit Corporation Legislation”)³ do chính tổ chức phi lợi nhuận B Labs đã đặt hàng cho Bill Clark - một luật sư ở Philadelphia soạn thảo.⁴ Tuy có những nội dung chưa hoàn thiện nhưng

¹ *Benefit Corporations* khác với “B Corporations”, là tên gọi của các chủ thể được cấp Giấy chứng nhận DNXH bởi tổ chức phi lợi nhuận có tên là “B Labs”. “B Corporations” không phải là hình thức pháp lý độc lập của DNXH Hoa Kỳ.

² The Grunin Center for Law and Social Entrepreneurship, *Mapping the State of Social Enterprise and the Law: 2018-2019 Report*, New York University School of Law, p. 3, https://societylawtracker.org/wp-content/uploads/2019/05/Grunin-Tepper-Report_5_30_B.pdf, truy cập ngày 27/8/2019

³ Tham khảo từ http://benefitcorp.net/sites/default/files/Model%20Benefit%20Corp%20Legislation_4_16.pdf, truy cập ngày 09/3/2019.

⁴ Mark J. Loewenstein, “Benefit Corporation Law”, 2016, pp 1-13, <http://ssrn.com/abstract=2840003>, truy cập ngày 17/3/2019.

phần lớn nội dung của Luật Mẫu về Công ty lợi ích đã được hầu hết các đạo luật về Công ty lợi ích ở các bang kế thừa.⁵

2. Các đặc điểm pháp lý cơ bản của công ty lợi ích

Những quy định về công ty lợi ích (BC) chính là kết quả của việc sửa đổi các đạo luật CTCP của các bang trên cơ sở kế thừa và thay đổi một số quy định cụ thể hiện có.⁶ Các quy định pháp lý cốt lõi cho BC bao gồm: 1) mục đích của BC là tạo ra tác động tích cực hữu hình đối với xã hội và môi trường; 2) mở rộng nhiệm vụ ủy thác của các giám đốc: xem xét đến cả các lợi ích phi tài chính; và 3) nghĩa vụ báo cáo tổng thể về kết quả thực hiện mục đích xã hội và môi trường, được đánh giá dựa trên tiêu chuẩn của bên thứ ba.

2.1. Mục đích của công ty lợi ích: tạo ra lợi ích chung và cụ thể

Theo truyền thống, các công ty ở Hoa Kỳ có quyền theo đuổi lợi ích xã hội, chứ không bắt buộc. Khác với điều này, Luật BC Mẫu đòi hỏi các điều lệ của BC phải tuyên bố rằng BC có mục đích “tạo ra một lợi ích công cộng chung” (*creating a general public benefit*).⁷ “Lợi ích công cộng chung” được Luật Mẫu định nghĩa là một “tác động tích cực hữu hình đối với xã hội và môi trường, về tổng thể, được đánh giá dựa trên tiêu chuẩn của bên thứ ba, từ kinh doanh và hoạt động của BC”.⁸ Mặt khác, trong phần bình luận về thuật ngữ “lợi ích công cộng chung” tại Điều 102 - Giải thích từ ngữ, Luật Mẫu nêu rõ: “bằng cách yêu cầu rằng tác động của một doanh nghiệp đối với xã hội và môi trường phải được xem xét “một cách tổng thể”, khái niệm “lợi ích công cộng chung” đòi hỏi phải xem xét tất cả các tác động của doanh nghiệp đối với xã hội và môi trường...”. Pháp luật trao cho giám đốc và các cổ đông của BC trách nhiệm xác định những gì là “tác động tích cực hữu hình”. Yêu cầu tạo ra “lợi ích công cộng chung” cho phép các BC có cách tiếp cận độc đáo đối với DNXH, dù một số tác giả cho rằng thuật ngữ này là quá mơ hồ.⁹

Đồng thời, Luật Mẫu cho phép BC xác định một hoặc nhiều “lợi ích công cộng cụ thể” (*specific public benefit*) như: (1) cung cấp cho các cá nhân hoặc cộng đồng có thu nhập thấp hoặc không được bảo vệ với các sản phẩm hoặc dịch vụ

⁵ Mark J. Loewenstein, *idid*, tr. 3.

⁶ Robert T. Esposito, “The Social Enterprise Revolution in Corporate Law: A Primer on Emerging Corporate Entities in Europe and the United States and the Case for the Benefit Corporation”, 4 *William and Mary Business Law Review* 639, 2013, <http://scholarship.law.wm.edu/wmblr/vol4/iss2/7>, truy cập ngày 22/2/2019

⁷ Xem Điều 201 (a) Luật Mẫu về công ty lợi ích.

⁸ Xem Điều 201 (a) Luật Mẫu về công ty lợi ích quy định: “a material positive impact on society and the environment, taken as a whole, assessed against a third-party standard, from the business and operations”.

⁹ Murray, J. Haskell, “Choose Your Own Master: Social Enterprise, Certifications and Benefit Corporation Statutes”, 2 *American University Business Law Review* 1 (June 15, 2012), p. 30, <https://ssrn.com/abstract=2085000>, truy cập ngày 10/6/2019.

có lợi; (2) thúc đẩy cơ hội kinh tế cho các cá nhân hoặc cộng đồng, ngoài việc tạo việc làm trong quá trình kinh doanh bình thường; (3) bảo tồn hoặc cải thiện môi trường; (4) cải thiện sức khỏe con người; (5) thúc đẩy nghệ thuật, khoa học hoặc nâng cao kiến thức; (6) tăng đồng vốn cho các chủ thể có mục đích lợi ích công cộng; và (7) trao bất kỳ lợi ích cụ thể nào khác cho xã hội hoặc môi trường.¹⁰

Trong khi mục đích lợi ích công cộng “chung” quy định rằng các BC phải tạo ra tác động tích cực hữu hình theo bất kỳ cách nào mà doanh nhân xã hội thấy phù hợp, thì những mục đích lợi ích công cộng “cụ thể” cho phép BC đặt tên các tác động xã hội hoặc môi trường cụ thể mà doanh nghiệp theo đuổi. Những ví dụ về “lợi ích công cộng cụ thể” phản ánh quan điểm “mở” của người Mỹ về BC, rất cần thiết cho cả giám đốc và các nhà đầu tư. Quy định mang tính định hướng này khuyến khích doanh nghiệp tìm tòi những lợi ích công cộng mới, độc đáo hoặc lợi ích công cộng cụ thể hơn. Quan trọng hơn, trong điều chỉnh lợi ích công cộng nói chung và lợi ích công cộng cụ thể riêng biệt, các đạo luật bảo đảm rằng các BC có thể theo đuổi bất kỳ nhiệm vụ cụ thể nào, nhưng toàn bộ công ty cũng đang hoạt động hướng tới lợi ích chung.

2.2. Trách nhiệm của giám đốc và các chức danh quản lý trong Công ty lợi ích: nghĩa vụ xem xét lợi ích của các bên liên quan

Ngoài nghĩa vụ cẩn trọng (*duties of care*) và trung thành (*duties of loyalty*) mà pháp luật CTCP truyền thống quy định, tất cả các đạo luật BC còn áp đặt một nghĩa vụ bổ sung đối với giám đốc: xem xét tác động của bất kỳ quyết định kinh doanh nào đối với các nhóm các bên liên quan.¹¹ Các giám đốc của BC có thể xem xét bất kỳ những yếu tố thích hợp nào của bất kỳ nhóm các bên liên quan nào mà giám đốc cho là phù hợp để xem xét.¹² Để thực hiện nghĩa vụ của mình, giám đốc không bắt buộc phải ưu

¹⁰ Điều 102 Luật Mẫu về công ty lợi ích.

¹¹ Điều 301 (a) Luật Mẫu quy định các nhóm các bên liên quan này bao gồm: i) cổ đông của công ty (*the corporation's shareholders*); ii) nhân viên và lực lượng lao động của các BC và các nhà trợ cấp và nhà cung cấp của công ty (*The employees and workforce of the benefit corporation, its subsidiaries, and its suppliers*); iii) lợi ích của khách hàng của BC là người thụ hưởng các mục đích lợi ích chung hoặc cụ thể của BC (*The interests of customers as beneficiaries of the general benefit or specific public benefit purposes of the benefit corporation*); iv) các yếu tố cộng đồng và xã hội, bao gồm cả những vấn đề của mỗi cộng đồng mà văn phòng hoặc cơ sở vật chất của BC hoặc nhà trợ cấp hoặc nhà cung cấp của công ty đóng trụ sở (*Community and societal factors, including those of each community in which offices or facilities of the benefit corporation, its subsidiaries, and its suppliers are located*); v) môi trường địa phương và toàn cầu (*The local and global environment*); vi) lợi ích ngắn hạn và dài hạn của BC, bao gồm mọi lợi ích có thể tích lũy cho BC từ các kế hoạch dài hạn của nó và khả năng những lợi ích này có thể được phục vụ tốt nhất bởi sự độc lập liên tục của BC (*The short-term and long-term interests of the benefit corporation, including any benefits that may accrue to the benefit corporation from its long-term plans and the possibility that these interests may be best served by the continued independence of the benefit corporation*); vii) khả năng của BC để hoàn thành mục đích lợi ích công cộng chung và bất kỳ mục đích lợi ích công cộng cụ thể nào (*The ability of the benefit corporation to accomplish its general and any specific public benefit purpose*).

¹² Điều 301 (a)(2) Luật Mẫu về công ty lợi ích.

tiên cho bất kỳ nhóm các bên liên quan cụ thể nào hơn các nhóm khác, trừ khi có quy định đặc thù trong các điều lệ của công ty.¹³ Các chức danh quản lý khác cũng được yêu cầu có những xem xét tương tự. Các quy định này để lại cho giám đốc một mức độ linh hoạt lớn.

Không giống như các đạo luật cử tri, mục đích của pháp luật về BC là trao cho cổ đông quyền yêu cầu giám đốc xem xét một hoặc các lợi ích phi tài chính (*non-financial interests*). Hầu hết Luật Mẫu BC quy định rằng các giám đốc không có nghĩa vụ ủy thác với các bên liên quan¹⁴ nhưng cổ đông của các BC được trao một quyền hành động mở rộng với trình tự tố tụng đặc biệt (*benefit enforcement proceedings*) để thực thi nghĩa vụ bổ sung này đối với lợi ích của các bên liên quan.¹⁵ Do đó, BC dựa vào các cổ đông để hành động như là bên được ủy nhiệm của các nhóm liên quan để bảo đảm phù hợp với mục đích xã hội và môi trường đã cam kết.

2.3. Tính minh bạch của công ty lợi ích: báo cáo lợi ích hàng năm

Yếu tố cơ bản thứ ba của các đạo luật BC là báo cáo lợi ích hàng năm (*Annual Benefit Report* – gọi tắt là ABR). Nói chung, ABR phải mô tả, tường thuật về: i) cách thức và phạm vi mà BC theo đuổi lợi ích công cộng chung và lợi ích công cộng cụ thể bất kỳ trong năm; ii) những trở ngại của việc tạo ra các lợi ích công cộng chung hoặc cụ thể; iii) đánh giá việc thực hiện mục đích xã hội và môi trường của các BC.¹⁶ Theo Luật Mẫu, các BC được yêu cầu để gửi ABR cho mỗi cổ đông trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính của BC hoặc cùng thời điểm mà BC gửi bất kỳ báo cáo hàng năm khác cho cổ đông. Trong hầu hết các trường hợp, ABR gần nhất phải được công khai trên trang website của BC.¹⁷ ABR phải được đo lường theo một số tiêu chuẩn của bên thứ ba độc lập, được lựa chọn bởi Hội đồng quản trị (*Board of directors*).

Các quy định trên nhằm ngăn ngừa việc lạm dụng địa vị pháp lý của một BC để vụ lợi, bằng cách cung cấp cho người tiêu dùng và công chúng một phương tiện để đánh giá liệu một doanh nghiệp có thực hiện đúng địa vị pháp lý của nó với tư cách là một BC hay không. ABR cũng cho phép đánh giá hiệu suất xã hội, môi trường của BC để các cổ đông có thể nhìn nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ của các giám đốc. Mặt khác, giá trị xã hội, môi trường của một BC trong việc tạo ra “lợi ích công cộng chung” hay “lợi ích công cộng cụ thể” sẽ không được dễ dàng nhìn thấy từ những báo cáo tài chính như những công ty kinh doanh thông thường. Yêu cầu đo lường tác động xã hội của BC dựa trên tiêu chuẩn của bên

¹³ Điều 301 (a)(3) Luật Mẫu về công ty lợi ích.

¹⁴ Điều 301 (d) Luật Mẫu về công ty lợi ích.

¹⁵ Điều 305 (a) Luật Mẫu về công ty lợi ích.

¹⁶ Điều 401 (a) Luật Mẫu về công ty lợi ích.

¹⁷ Điều 402 (a) (b) (c) Luật Mẫu về công ty lợi ích.

thứ ba bảo đảm rằng nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với hoạt động kinh doanh xã hội có thể được đánh giá, so sánh và chấm điểm cùng nhau.

Luật Mẫu đã xác định tiêu chuẩn bên thứ ba nhằm ngăn chặn xung đột lợi ích phát sinh khi các công ty ban hành các tiêu chuẩn của riêng mình hoặc sử dụng tiêu chuẩn có lợi cho mình liên quan đến ngành nghề kinh doanh của BC. Điều 102 Luật Mẫu giải thích “tiêu chuẩn của bên thứ ba” là một tiêu chuẩn được công nhận để xác định, báo cáo, đánh giá hiệu quả môi trường và xã hội của công ty BC và phải thỏa 4 tiêu chí gồm *toàn diện, độc lập, đáng tin cậy và minh bạch*.¹⁸ Điều đáng chú ý là chính phủ không có vai trò trong việc xác định liệu một tiêu chuẩn của bên thứ ba đã được chọn có được chấp nhận hay không hoặc liệu BC có đáp ứng mục đích của BC của mình để tạo ra một tác động tích cực đáng kể hay không. Đồng thời, pháp luật BC không yêu cầu một BC sử dụng bất kỳ tiêu chuẩn bên thứ ba cụ thể nào để chuẩn bị báo cáo lợi ích hàng năm.

3. Liên hệ với pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam

3.1. Về mục đích của doanh nghiệp xã hội theo Luật Doanh nghiệp năm 2014

Điều 10 Luật Doanh nghiệp (LDN) năm 2014 quy định: “DNXH có mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng”.¹⁹ Thế nhưng, LDN năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác không giải thích cụ thể “giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng” hay “mục tiêu hoạt động” của DNXH là như thế nào. Tuy nhiên, khi quy định về “Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường” của DNXH, khoản 4 Điều 5 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của LDN có hướng dẫn: “cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội được lập theo mẫu và phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Các vấn đề xã hội, môi trường; phương thức mà doanh nghiệp dự định thực hiện nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường đó; b) Thời hạn thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường; c) Mức tỷ lệ phần trăm (%) lợi nhuận giữ lại hàng năm được tái đầu tư để giải quyết vấn đề xã hội, môi trường”. Như vậy, pháp luật Việt Nam không trực tiếp giải thích mục tiêu xã hội, môi trường của DNXH mà để cho DNXH tự xác định, thông qua việc lựa chọn vấn đề cụ thể về xã hội, môi trường

¹⁸ Điều 102 Luật Mẫu về công ty lợi ích.

¹⁹ Điều 10 LDN năm 2014 quy định: “Tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội
1. Doanh nghiệp xã hội phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:
a) Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật này;
b) Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng;
c) Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký

để giải quyết; phương thức và thời hạn để thực hiện; cũng như tỷ lệ lợi nhuận dành để giải quyết vấn đề xã hội, môi trường đó. Như vậy, pháp luật Việt Nam không nêu ra một định nghĩa cụ thể về mục đích của DNXH như pháp luật BC của Hoa Kỳ. Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký DNXH theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP giải thích cụm từ “vấn đề xã hội, môi trường”²⁰ là “*miêu tả các vấn đề bất cập về xã hội, môi trường mà doanh nghiệp mong muốn giải quyết thông qua các hoạt động kinh doanh*”. Biểu mẫu số 1 còn yêu cầu nhà đầu tư nêu phương thức giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường mà DNXH lựa chọn theo đuổi, với gợi ý là “*miêu tả cách thức, phương thức kinh doanh mà doanh nghiệp dự kiến tiến hành, như: sản phẩm, dịch vụ là gì, doanh thu đến từ đâu? Có thể nêu các chỉ số kinh tế, xã hội, môi trường (định tính / định lượng) dự kiến đạt được. Nếu nhóm đối tượng hưởng lợi. Lý giải tại sao hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lại góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường như miêu tả...*”

Như vậy, pháp luật Việt Nam có cách tiếp cận khác với pháp luật Hoa Kỳ. Pháp luật Hoa Kỳ đặt trọng tâm vào việc bắt buộc các BC tuyên bố “tạo ra lợi ích công cộng chung”, đồng thời giải thích cụm từ này, trong đó xác định “tác động tích cực hữu hình” mà BC mang lại cho xã hội, môi trường trên bình diện “tổng thể” và cho phép BC chọn một “lợi ích công cộng cụ thể”. Tác dụng của việc chú trọng quy định và giải thích mục đích “lợi ích công cộng chung” là ngăn chặn tình trạng DNXH lạm dụng pháp luật để thực hiện trách nhiệm xã hội một cách hình thức (*greenwashing*).²¹ Nếu không quy định chặt chẽ về mục đích “lợi ích công cộng chung”, một công ty có thể đặt tên cho một mục đích “lợi ích công cộng cụ thể” hẹp (chẳng hạn, lập ra dự án liên kết với nông dân để tạo ra vùng nguyên liệu và tiêu thụ nông sản cho nông dân) nhưng vẫn tiến hành các việc làm khác đi ngược lại với “lợi ích công cộng chung” (ví dụ: xả nước thải độc hại ra sông ở phía sau nhà máy). Điều này sẽ làm suy yếu mục tiêu và lời hứa của DNXH về tạo ra lợi ích chung cho xã hội và môi trường. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam tập trung giải thích “vấn đề xã hội, môi trường cụ thể” mà không có quy định chi tiết hoặc có các giải thích cần thiết về mục tiêu hoạt động chung của DNXH “nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng” là như thế nào. Cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam không khắc phục được mối lo ngại mà pháp luật Hoa Kỳ đã dự liệu là DNXH cam kết và thực hiện các “lợi ích công cộng chung” một cách giả tạo, vụ lợi.

²⁰ Biểu mẫu số 1- Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.

²¹ “Greenwashing” là một thuật ngữ mỉa mai cho tình trạng thực hiện trách nhiệm xã hội mang tính hình thức.

Việc LDN năm 2014 trao cho Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyền quyết định một chủ thể có được thành lập với tư cách là DNXH hay không, cũng tạo ra những bất cập. Để bác bỏ hay chấp nhận yêu cầu cấp giấy chứng nhận DNXH thì vấn đề quan trọng hàng đầu là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải đánh giá tính hợp pháp và khả thi của cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong hồ sơ đăng ký thành lập DNXH. Sự lúng túng của cơ quan này trong thời gian qua²² đã phản ánh nhu cầu cần làm rõ các tiêu chí để đánh giá cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường mà điều này bắt đầu từ việc làm rõ “mục đích của DNXH” trong pháp luật.

Mặt khác, pháp luật Việt Nam không có quy định nào bắt buộc các “mục tiêu hoạt động chung” hay “các vấn đề xã hội, môi trường cụ thể” của DNXH phải được ghi vào trong điều lệ giống như pháp luật Hoa Kỳ quy định. Như đã phân tích, điểm mấu chốt để một chủ thể vì lợi nhuận muốn trở thành DNXH là trong quá trình ra quyết định, chủ thể đó phải xem xét lợi ích của các bên liên quan ngang bằng với việc tăng lợi nhuận cho cổ đông, chứ không chỉ bảo vệ lợi ích của cổ đông, chủ sở hữu, như một chủ thể vì lợi nhuận thông thường. Vấn đề này được pháp luật Hoa Kỳ tháo gỡ. Theo đó, tất cả các BC phải kết hợp một mục đích xã hội vào điều lệ. Việc bắt buộc thể hiện mục đích xã hội của DNXH trong điều lệ (được ví như là “Hiến pháp của công ty”) sẽ bảo đảm sự minh bạch và mức độ thực thi cao hơn bởi điều lệ có giá trị pháp lý như pháp luật và được công khai cho nhiều đối tượng.

Mục đích của BC (và mục đích của DNXH nói chung) cũng đã tạo ra các cuộc tranh luận sôi nổi ở Hoa Kỳ liên quan về các quy định của Luật Mẫu BC. Giáo sư luật học Mark J. Loewenstein cho rằng quy định về điều khoản “lợi ích công cộng chung” trong Luật Mẫu BC là một quy định phi thực tế và xung đột trong một BC.²³ Ông cho rằng, trong thực tế, số công ty có khả năng “tạo ra tác động tích cực” đến môi trường là rất ít (ví dụ, công ty vệ sinh môi trường chuyên dọn dẹp rác thải). Trong khi đó, ngay cả những công ty được đánh giá là “xanh” nhất cũng gây ra những ảnh hưởng đến môi trường vì thải ra khí carbon, sử dụng nguyên liệu không thể tái tạo... Mặt khác, tác giả này cũng nhận xét, lợi ích môi trường và xã hội trong nhiều trường hợp là không thể đồng hành mà triệt tiêu lẫn nhau. Ví dụ, một nhà máy đóng cửa thì tốt cho môi trường nhưng đem lại những hệ lụy nhất định cho xã hội như người lao động mất việc làm, nhà cung cấp mất đối tác... Chính vì vậy, theo tác giả Mark

²² Khánh An, “Vướng doanh nghiệp xã hội do lúng túng về thủ tục”, *Báo Dân trí*, 2016, <http://baodautu.vn/vang-doanh-nghiep-xa-hoi-do-lung-tung-ve-thu-tuc-d51666.html>, truy cập ngày 10/3/2018

²³ Mark J. Loewenstein, *ltd*, tr. 4.

J. Loewenstein, không thể có một BC vừa theo đuổi “một lợi ích công cộng cụ thể” lại vừa tạo ra một *tác động tích cực* đến môi trường, mặc dù các lợi ích công cộng cụ thể là rất đáng giá.²⁴

Khắc phục tình trạng trên, các đạo luật về BC của bang Delaware và Colorado quy định rằng một BC “là một công ty vì lợi nhuận ... nhằm tạo ra một lợi ích công cộng hoặc các lợi ích công cộng và hoạt động một cách có trách nhiệm và bền vững”.²⁵ “Lợi ích công cộng” được định nghĩa là “một tác động tích cực (hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực) đối với một hoặc nhiều chủ thể, cộng đồng hoặc lợi ích về nghệ thuật, từ thiện, văn hóa, kinh tế, giáo dục, môi trường, y tế, tôn giáo, khoa học hay công nghệ.”²⁶ Tác giả cho rằng LDN năm 2014 có thể tiếp thu vấn đề này để quy định về “mục tiêu hoạt động” của DNXH. Với ý nghĩa đó, mục tiêu hoạt động của DNXH quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 10 LDN năm 2014 có thể sửa thành “nhằm tạo ra (các) lợi ích công cộng một cách có trách nhiệm và bền vững”.

3.2. Trách nhiệm của Giám đốc trong doanh nghiệp xã hội theo Luật Doanh nghiệp năm 2014

DNXH Việt Nam thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo thủ tục và hồ sơ tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp quy định tại LDN năm 2014, đồng thời có cơ cấu tổ chức như các doanh nghiệp thông thường. Ngoài Điều 10 (quy định về tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của DNXH) thì các điều khoản khác của LDN năm 2014 cũng được áp dụng cho DNXH Việt Nam. Suy ra, DNXH vừa phải bảo đảm thực hiện các tiêu chí của DNXH ở Điều 10 đồng thời vừa phải thực hiện các nghĩa vụ khác của cơ quan quản lý trong một doanh nghiệp thông thường ở các điều khoản khác của LDN năm 2014. Đơn cử, điểm a khoản 1 Điều 71 LDN năm 2014 quy định trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên và người quản lý khác là: “*thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty*”. Câu hỏi đặt ra là “*lợi ích hợp pháp tối đa của công ty*” là lợi ích gì, là của cổ đông, của thành viên, của chủ sở hữu hay lợi ích về xã hội, môi trường mà DNXH theo đuổi. Tương tự, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 71 LDN năm 2014 buộc các chức danh quản lý: “*trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác*”. Vấn đề cần xác định “*tổ chức, cá nhân khác*”

²⁴ Mark J. Loewenstein, *ltd*, tr. 5.

²⁵ Điều 362 (a) Đạo luật công ty lợi ích công cộng của bang Delaware quy định: “*is a for-profit corporation... that is intended to produce a public benefit or public benefits and to operate in a responsible and sustainable manner*”.

²⁶ Điều 362 (b) Đạo luật công ty lợi ích công cộng của bang Delaware

Việc LDN năm 2014 trao cho Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyền quyết định một chủ thể có được thành lập với tư cách là DNXH hay không, cũng tạo ra những bất cập. Để bác bỏ hay chấp nhận yêu cầu cấp giấy chứng nhận DNXH thì vấn đề quan trọng hàng đầu là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải đánh giá tính hợp pháp và khả thi của cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong hồ sơ đăng ký thành lập DNXH. Sự lúng túng của cơ quan này trong thời gian qua²² đã phản ánh nhu cầu cần làm rõ các tiêu chí để đánh giá cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường mà điều này bắt đầu từ việc làm rõ “mục đích của DNXH” trong pháp luật.

Mặt khác, pháp luật Việt Nam không có quy định nào bắt buộc các “mục tiêu hoạt động chung” hay “các vấn đề xã hội, môi trường cụ thể” của DNXH phải được ghi vào trong điều lệ giống như pháp luật Hoa Kỳ quy định. Như đã phân tích, điểm mấu chốt để một chủ thể vì lợi nhuận muốn trở thành DNXH là trong quá trình ra quyết định, chủ thể đó phải xem xét lợi ích của các bên liên quan ngang bằng với việc tăng lợi nhuận cho cổ đông, chứ không chỉ bảo vệ lợi ích của cổ đông, chủ sở hữu, như một chủ thể vì lợi nhuận thông thường. Vấn đề này được pháp luật Hoa Kỳ tháo gỡ. Theo đó, tất cả các BC phải kết hợp một mục đích xã hội vào điều lệ. Việc bắt buộc thể hiện mục đích xã hội của DNXH trong điều lệ (được ví như là “Hiến pháp của công ty”) sẽ bảo đảm sự minh bạch và mức độ thực thi cao hơn bởi điều lệ có giá trị pháp lý như pháp luật và được công khai cho nhiều đối tượng.

Mục đích của BC (và mục đích của DNXH nói chung) cũng đã tạo ra các cuộc tranh luận sôi nổi ở Hoa Kỳ liên quan về các quy định của Luật Mẫu BC. Giáo sư luật học Mark J. Loewenstein cho rằng quy định về điều khoản “lợi ích cộng đồng chung” trong Luật Mẫu BC là một quy định phi thực tế và xung đột trong một BC.²³ Ông cho rằng, trong thực tế, số công ty có khả năng “tạo ra tác động tích cực” đến môi trường là rất ít (ví dụ, công ty vệ sinh môi trường chuyên dọn dẹp rác thải). Trong khi đó, ngay cả những công ty được đánh giá là “xanh” nhất cũng gây ra những ảnh hưởng đến môi trường vì thải ra khí carbon, sử dụng nguyên liệu không thể tái tạo... Mặt khác, tác giả này cũng nhận xét, lợi ích môi trường và xã hội trong nhiều trường hợp là không thể đồng hành mà triệt tiêu lẫn nhau. Ví dụ, một nhà máy đóng cửa thì tốt cho môi trường nhưng đem lại những hệ lụy nhất định cho xã hội như người lao động mất việc làm, nhà cung cấp mất đối tác... Chính vì vậy, theo tác giả Mark

²² Khánh An, “Vắng doanh nghiệp xã hội do lúng túng về thủ tục”. Báo Đầu tư, 2016, <http://baodautu.vn/vang-doanh-nghiep-xa-hoi-do-lung-tung-ve-thu-tuc-d51666.html>, truy cập ngày 10/3/2018.

²³ Mark J. Loewenstein, *ibid.*, tr. 4.

J. Loewenstein, không thể có một BC vừa theo đuổi “một lợi ích công cộng cụ thể” lại vừa tạo ra một *tác động tích cực* đến môi trường, mặc dù các lợi ích công cộng cụ thể là rất đáng giá.²⁴

Khắc phục tình trạng trên, các đạo luật về BC của bang Delaware và Colorado quy định rằng một BC “là một công ty vì lợi nhuận ... nhằm tạo ra một lợi ích công cộng hoặc các lợi ích công cộng và hoạt động một cách có trách nhiệm và bền vững”.²⁵ “Lợi ích công cộng” được định nghĩa là “một tác động tích cực (hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực) đối với một hoặc nhiều chủ thể, cộng đồng hoặc lợi ích về nghệ thuật, từ thiện, văn hóa, kinh tế, giáo dục, môi trường, y tế, tôn giáo, khoa học hay công nghệ.”²⁶ Tác giả cho rằng LDN năm 2014 có thể tiếp thu vấn đề này để quy định về “mục tiêu hoạt động” của DNXH. Với ý nghĩa đó, mục tiêu hoạt động của DNXH quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 10 LDN năm 2014 có thể sửa thành “nhằm tạo ra (các) lợi ích công cộng một cách có trách nhiệm và bền vững”.

3.2. Trách nhiệm của Giám đốc trong doanh nghiệp xã hội theo Luật Doanh nghiệp năm 2014

DNXH Việt Nam thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo thủ tục và hồ sơ tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp quy định tại LDN năm 2014, đồng thời có cơ cấu tổ chức như các doanh nghiệp thông thường. Ngoài Điều 10 (quy định về tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của DNXH) thì các điều khoản khác của LDN năm 2014 cũng được áp dụng cho DNXH Việt Nam. Suy ra, DNXH vừa phải bảo đảm thực hiện các tiêu chí của DNXH ở Điều 10 đồng thời vừa phải thực hiện các nghĩa vụ khác của cơ quan quản lý trong một doanh nghiệp thông thường ở các điều khoản khác của LDN năm 2014. Đơn cử, điểm a khoản 1 Điều 71 LDN năm 2014 quy định trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên và người quản lý khác là: “*thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty*”. Câu hỏi đặt ra là “lợi ích hợp pháp tối đa của công ty” là lợi ích gì, là của cổ đông, của thành viên, của chủ sở hữu hay lợi ích về xã hội, môi trường mà DNXH theo đuổi. Tương tự, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 71 LDN năm 2014 buộc các chức danh quản lý: “*trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác*”. Vấn đề cần xác định “tổ chức, cá nhân khác”

²⁴ Mark J. Loewenstein, *ltdđ*, tr. 5.

²⁵ Điều 362 (a) Đạo luật công ty lợi ích công cộng của bang Delaware quy định: “*is a for-profit corporation... that is intended to produce a public benefit or public benefits and to operate in a responsible and sustainable manner*”

²⁶ Điều 362 (b) Đạo luật công ty lợi ích công cộng của bang Delaware

Việc LDN năm 2014 trao cho Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyền quyết định một chủ thể có được thành lập với tư cách là DNXH hay không, cũng tạo ra những bất cập. Để bác bỏ hay chấp nhận yêu cầu cấp giấy chứng nhận DNXH thì vấn đề quan trọng hàng đầu là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải đánh giá tính hợp pháp và khả thi của cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong hồ sơ đăng ký thành lập DNXH. Sự lúng túng của cơ quan này trong thời gian qua²² đã phản ánh nhu cầu cần làm rõ các tiêu chí để đánh giá cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường mà điều này bắt đầu từ việc làm rõ “mục đích của DNXH” trong pháp luật.

Mặt khác, pháp luật Việt Nam không có quy định nào bắt buộc các “mục tiêu hoạt động chung” hay “các vấn đề xã hội, môi trường cụ thể” của DNXH phải được ghi vào trong điều lệ giống như pháp luật Hoa Kỳ quy định. Như đã phân tích, điểm mấu chốt để một chủ thể vì lợi nhuận muốn trở thành DNXH là trong quá trình ra quyết định, chủ thể đó phải xem xét lợi ích của các bên liên quan ngang bằng với việc tăng lợi nhuận cho cổ đông, chứ không chỉ bảo vệ lợi ích của cổ đông, chủ sở hữu, như một chủ thể vì lợi nhuận thông thường. Vấn đề này được pháp luật Hoa Kỳ tháo gỡ. Theo đó, tất cả các BC phải kết hợp một mục đích xã hội vào điều lệ. Việc bắt buộc thể hiện mục đích xã hội của DNXH trong điều lệ (được ví như là “Hiến pháp của công ty”) sẽ bảo đảm sự minh bạch và mức độ thực thi cao hơn bởi điều lệ có giá trị pháp lý như pháp luật và được công khai cho nhiều đối tượng.

Mục đích của BC (và mục đích của DNXH nói chung) cũng đã tạo ra các cuộc tranh luận sôi nổi ở Hoa Kỳ liên quan về các quy định của Luật Mẫu BC. Giáo sư luật học Mark J. Loewenstein cho rằng quy định về điều khoản “lợi ích công cộng chung” trong Luật Mẫu BC là một quy định phi thực tế và xung đột trong một BC.²³ Ông cho rằng, trong thực tế, số công ty có khả năng “tạo ra tác động tích cực” đến môi trường là rất ít (ví dụ, công ty vệ sinh môi trường chuyên dọn dẹp rác thải). Trong khi đó, ngay cả những công ty được đánh giá là “xanh” nhất cũng gây ra những ảnh hưởng đến môi trường vì thải ra khí carbon, sử dụng nguyên liệu không thể tái tạo... Mặt khác, tác giả này cũng nhận xét, lợi ích môi trường và xã hội trong nhiều trường hợp là không thể đồng hành mà triệt tiêu lẫn nhau. Ví dụ, một nhà máy đóng cửa thì tốt cho môi trường nhưng đem lại những hệ lụy nhất định cho xã hội như người lao động mất việc làm, nhà cung cấp mất đối tác... Chính vì vậy, theo tác giả Mark

²² Khánh An, “Vắng doanh nghiệp xã hội do lúng túng về thủ tục”, Báo Đầu tư, 2016, <http://baodautu.vn/vang-doanh-nghiep-xa-hoi-do-lung-tung-ve-thu-tuc-d51666.html>, truy cập ngày 10/3/2018

²³ Mark J. Loewenstein, *ltd*, tr. 4.

J. Loewenstein, không thể có một BC vừa theo đuổi “một lợi ích công cộng cụ thể” lại vừa tạo ra một *tác động tích cực* đến môi trường, mặc dù các lợi ích công cộng cụ thể là rất đáng giá.²⁴

Khắc phục tình trạng trên, các đạo luật về BC của bang Delaware và Colorado quy định rằng một BC “là một công ty vì lợi nhuận ... nhằm tạo ra một lợi ích công cộng hoặc các lợi ích công cộng và hoạt động một cách có trách nhiệm và bền vững”.²⁵ “Lợi ích công cộng” được định nghĩa là “một tác động tích cực (hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực) đối với một hoặc nhiều chủ thể, cộng đồng hoặc lợi ích về nghệ thuật, từ thiện, văn hóa, kinh tế, giáo dục, môi trường, y tế, tôn giáo, khoa học hay công nghệ.”²⁶ Tác giả cho rằng LDN năm 2014 có thể tiếp thu vấn đề này để quy định về “mục tiêu hoạt động” của DNXH. Với ý nghĩa đó, mục tiêu hoạt động của DNXH quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 10 LDN năm 2014 có thể sửa thành “nhằm tạo ra (các) lợi ích công cộng một cách có trách nhiệm và bền vững”.

3.2. Trách nhiệm của Giám đốc trong doanh nghiệp xã hội theo Luật Doanh nghiệp năm 2014

DNXH Việt Nam thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo thủ tục và hồ sơ tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp quy định tại LDN năm 2014, đồng thời có cơ cấu tổ chức như các doanh nghiệp thông thường. Ngoài Điều 10 (quy định về tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của DNXH) thì các điều khoản khác của LDN năm 2014 cũng được áp dụng cho DNXH Việt Nam. Suy ra, DNXH vừa phải bảo đảm thực hiện các tiêu chí của DNXH ở Điều 10 đồng thời vừa phải thực hiện các nghĩa vụ khác của cơ quan quản lý trong một doanh nghiệp thông thường ở các điều khoản khác của LDN năm 2014. Đơn cử, điểm a khoản 1 Điều 71 LDN năm 2014 quy định trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên và người quản lý khác là: “*thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty*”. Câu hỏi đặt ra là “*lợi ích hợp pháp tối đa của công ty*” là lợi ích gì, là của cổ đông, của thành viên, của chủ sở hữu hay lợi ích về xã hội, môi trường mà DNXH theo đuổi. Tương tự, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 71 LDN năm 2014 buộc các chức danh quản lý: “*trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác*”. Vấn đề cần xác định “*tổ chức, cá nhân khác*”

²⁴ Mark J. Loewenstein, *ltdđ*, tr 5.

²⁵ Điều 362 (a) Đạo luật công ty lợi ích công cộng của bang Delaware quy định: “*is a for-profit corporation .. that is intended to produce a public benefit or public benefits and to operate in a responsible and sustainable manner*”.

²⁶ Điều 362 (b) Đạo luật công ty lợi ích công cộng của bang Delaware.

ở đây là những chủ thể nào, có phải là “các bên liên quan” như đối tác, khách hàng, người tiêu dùng, người lao động, cộng đồng dân cư chịu ảnh hưởng bởi hoạt động của doanh nghiệp? Nếu “lợi ích hợp pháp tối đa của công ty” mâu thuẫn với lợi ích của các bên liên quan thì DNXH phải bảo vệ lợi ích của các bên liên quan hay thực hiện Điều 71 này? Tương tự, những nghĩa vụ chung khác của các chức danh quản lý như quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 71 và khoản 2 Điều 71 LDN năm 2014²⁷ cũng rất khó bảo đảm giám đốc của DNXH thực hiện được sứ mệnh xã hội, môi trường vì cộng đồng như đã cam kết.

Sự xung đột pháp luật này xuất phát từ nguyên nhân là Điều 10 LDN năm 2014 chỉ đề cập các tiêu chí về khía cạnh kinh doanh (điểm a khoản 1) và khía cạnh xã hội (điểm b và c khoản 1), mà không đề cập các tiêu chí thuộc khía cạnh quản trị của DNXH.²⁸ Trong khi đó, khía cạnh quản trị được cho là giúp giữ vững bản chất xã hội của DNXH, mà tiêu chí cốt lõi là bảo vệ lợi ích của các bên liên quan. Điều này đã được pháp luật Hoa Kỳ khắc phục bằng cách quy định thêm quyền và trách nhiệm bổ sung cho giám đốc của BC là phải xem xét lợi ích của các bên liên quan trong quá trình ra quyết định. Trong khi đó, LDN năm 2014 không quy định quyền hạn và trách nhiệm riêng (khác với của giám đốc của doanh nghiệp thông thường) cho giám đốc của DNXH.

Mặt khác, có ý kiến cho rằng vì một số lý do đặc thù nên LDN năm 2014 cần tiếp tục áp dụng học thuyết giá trị cổ đông chứ không thể theo đuổi học thuyết giá trị các bên liên quan.²⁹ Điều đó có nghĩa là giám đốc của DNXH phải thực hiện các nghĩa vụ của một giám đốc thông thường như bảo vệ lợi ích cao nhất của cổ đông, đồng thời lại phải bảo đảm mục tiêu xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng của DNXH như quy định tại Điều 10 LDN năm 2014. Như vậy, DNXH phải bảo đảm quyền lợi của hai “ông chủ” (*masters*) cùng một lúc, là cổ đông và các bên liên quan. Tuy nhiên, đây dường như là một nhiệm vụ bất khả thi.

Để giải quyết bất cập này, tác giả kiến nghị cần phân định rõ quyền

²⁷ Khoản 1 Điều 71 LDN năm 2014 quy định: “*Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên và người quản lý khác của công ty có trách nhiệm thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối (điểm c), Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty (điểm d)* Khoản 2 Điều 71 LDN năm 2014 quy định: “*Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn*”.

²⁸ Defourmy, J. & Nyssens, M. “The EMES Approach of Social Enterprise in a Comparative Perspective”, *EMES Working Papers Series*, 12/03, p. 9, http://emes.net/content/upload/publications/EMES-WP-12-03_Defourmy-Nyssens.pdf, truy cập ngày 5/4/2019

²⁹ Lê Thái Phong - Và Văn Ngọc, “Các học thuyết về mục đích của công ty và việc áp dụng chúng trong Luật Doanh nghiệp ở Việt Nam”, *Trang Thông tin điện tử Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, 2018, <http://tcdclp.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=104>, truy cập ngày 2/6/2019.

hạn và trách nhiệm của giám đốc trong DNXH với của giám đốc trong doanh nghiệp thông thường. Điều này được thực hiện bằng cách ban hành các điều luật riêng trong LDN để điều chỉnh về quyền và nghĩa vụ của các chức danh quản lý DNXH. Một trong những nhiệm vụ của các điều luật bổ sung này là quy định giám đốc trong DNXH có trách nhiệm theo đuổi mục đích công cộng chung như DNXH đã cam kết, trong đó phải bảo vệ lợi ích của các bên liên quan (chịu sự tác động bởi hoạt động của DNXH), kể cả cổ đông, thành viên, chủ sở hữu. Còn trách nhiệm của giám đốc trong các doanh nghiệp thông thường được điều chỉnh bởi các điều luật khác của LDN mà chủ yếu là bảo vệ cổ đông, thành viên, chủ sở hữu và thu lợi nhuận cho họ.

3.3. Báo cáo đánh giá tác động xã hội của doanh nghiệp xã hội theo Luật Doanh nghiệp năm 2014

Nghị định số 96/2015/NĐ-CP quy định hàng năm, DNXH nhận ưu đãi, viện trợ, tài trợ phải gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi DNXH có trụ sở chính Báo cáo đánh giá tác động xã hội đối với các hoạt động mà doanh nghiệp đã thực hiện chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, việc nộp Báo cáo này chỉ bắt buộc đối với trường hợp hợp DNXH “nhận ưu đãi, viện trợ, tài trợ”, còn trong các trường hợp khác, DNXH không phải thực hiện nghĩa vụ này. Đồng thời, khoản 3 Điều 10 LDN năm 2014 quy định: “*Tổ chức, cá nhân được quyền yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi DNXH có trụ sở chính cung cấp các thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ được lưu giữ tại cơ quan đó. Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân*”. Các quy định này gây khó hiểu và thể hiện sự buông lỏng quản lý đối với DNXH bởi lẽ, Báo cáo đánh giá tác động xã hội không chỉ nhằm đánh giá năng lực của giám đốc DNXH trong quản lý, điều hành DNXH thực hiện mục đích của doanh nghiệp mà còn nhằm công khai cho công chúng về hiệu quả xã hội nói chung của DNXH. Do đó, nó phải được công bố công khai để các chủ thể liên quan có cơ sở thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời bảo đảm tính xác thực, tính minh bạch trong việc thực hiện các mục đích tốt đẹp, phục vụ cộng đồng của DNXH. Đây cũng là cơ sở để các nhà tài trợ, viện trợ, nhà đầu tư tin tưởng vào hoạt động kinh doanh vì xã hội của DNXH để tiếp tục tài trợ, rót vốn. Do đó, pháp luật cần yêu cầu mọi DNXH phải có nghĩa vụ hoàn thành và công bố công khai báo cáo này (trên trang web của công ty hoặc gửi đến từng cổ đông, trừ thông tin bảo

mặt), chứ không yêu cầu cá nhân, tổ chức có nhu cầu thì tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem báo cáo.

Theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP, Báo cáo đánh giá tác động xã hội được lập theo mẫu và phải có nội dung sau đây: a) Tên, mã số doanh nghiệp; b) Các khoản ưu đãi, viện trợ hoặc tài trợ đã nhận được; c) Các hoạt động doanh nghiệp đã thực hiện trong năm; các vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã giải quyết; d) Các lợi ích và tác động xã hội mà doanh nghiệp đã đạt được và các nhóm đối tượng được hưởng lợi tương ứng; nêu rõ các số liệu chứng minh về tác động và lợi ích đã đạt được (nếu có). So với các yêu cầu về nội dung đối với ABR, Báo cáo đánh giá tác động xã hội đơn giản hơn vì không bắt buộc đề cập đến những thất bại và nguyên nhân cản trở DNXH thực hiện các vấn đề xã hội, môi trường đã cam kết như quy định của pháp luật Hoa Kỳ. Hơn nữa, các báo cáo này không bắt buộc được đo lường bởi một tiêu chuẩn độc lập của bên thứ ba nào cả. Nếu quy định như vậy, các DNXH có thể tự báo cáo dựa trên những thông số hoặc tiêu chuẩn có lợi cho doanh nghiệp miễn sao không vi phạm điều cấm của pháp luật. Những hạn chế trên có thể khiến cho DNXH thiếu tính trách nhiệm và minh bạch, dẫn đến khó gọi vốn từ các nhà đầu tư xã hội. Do đó, LDN năm 2014 cần tiếp thu kinh nghiệm Hoa Kỳ trong việc thiết lập một cơ chế đánh giá kết quả hoạt động của DNXH theo tiêu chuẩn của các bên liên quan. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Khánh An, "Vắng doanh nghiệp xã hội do lúng túng về thủ tục", *Báo Đầu tư*, 2016 [trans: Khanh An, "Absent from social enterprise due to procedural confusion", *Investment Newspaper*, 2016] <http://baodautu.vn/vang-doanh-nghiep-xa-hoi-do-lung-tung-ve-thu-tuc-d51666.html>, accessed on 10/3/2018
- [2] Robert T. Esposito, "The Social Enterprise Revolution in Corporate Law. A Primer on Emerging Corporate Entities in Europe and the United States and the Case for the Benefit Corporation", 4 *William and Mary Business Law Review*. 639, 2013, <http://scholarship.law.wm.edu/wmbblr/vol4/iss2/7>, accessed on 22/2/2019
- [3] Defourmy, J. & Nyssens, M. "The EMES Approach of Social Enterprise in a Comparative Perspective", *EMES Working Papers Series*, 12/03, http://emes.net/content/uploads/publications/EMES-WP-12-03_Defourmy-Nyssens.pdf, accessed on 5/4/2019
- [4] Mark J. Loewenstein, "Benefit Corporation Law", 2016, <http://ssrn.com/abab=2840003>, accessed on 17/3/2019
- [5] Murray, J. Haskell, "Choose Your Own Master: Social Enterprise, Certifications and Benefit Corporation Statutes", 2 *American University Business Law Review* 1, June 15, 2012, <https://ssrn.com/abstract=2085000>, accessed on 10/6/2019
- [6] Lê Thái Phong - Văn Văn Ngọc, "Các học thuyết về mục đích của công ty và việc áp dụng chúng trong Luật Doanh nghiệp ở Việt Nam", *Trang Thông tin điện tử Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, 2018, <http://tcdclp.moj.gov.vn/qr/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=104>, truy cập ngày 2/6/2019
- [7] The Grunin Center for Law and Social Entrepreneurship, *Mapping the State of Social Enterprise and the Law: 2018-2019 Report*, New York University School of Law, https://socentlawtracker.org/wp-content/uploads/2019/05/Grunin-Teppe-Report_5_30_B.pdf, accessed on 27/8/2019